

## PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TUẦN 2

Thứ	Tiết	Môn	Nội dung
<b>2</b>	1	Chào cờ	
	2	Lịch sử	Làm quen với bản đồ (TT)
	3	Tập đọc	Đế mèn bênh vực kẻ yếu
	4	Toán	Các số có sáu chữ số
	5	Địa lý	
<b>3</b>	1	Toán	Luyện tập
	2	Chính tả	Nghe – viết : mười năm công bạn đi học
	3	LT&C	Mở rộng vốn từ: Nhân hậu – đoàn kết
	4	Kể chuyện	Kể chuyện đã nghe, đã đọc
	5	Lịch sử	Làm quen với bản đồ (TT)
<b>4</b>	1	Tập đọc	Truyện cổ nước mình
	2	Toán	Hàng và lớp
	3	Kĩ thuật	Vật liệu, dụng cụ cắt, khâu, thêu (t2)
	4	Địa lý	Dãy Hoàng Liên Sơn
	5	Tập làm văn	Kể lại hành động của nhân vật
<b>5</b>	1	Toán	So sánh các số có nhiều chữ số
	2	Lịch sử	Làm quen với bản đồ (TT)
	3	Khoa học	Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn
	4	Nhạc	
	5	LT&C	Dấu hai chấm
<b>6</b>	1	Âm nhạc	
	2	Toán	Triệu và lớp triệu
	3	Tập làm văn	Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện
	4	Địa lí	Dãy Hoàng Liên Sơn
	5	Sinh hoạt	

## TUẦN 2

**TIẾT 1:** Chào cờ

**TIẾT 2:**

### LỊCH SỬ LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ (tiếp theo)

#### I. MỤC TIÊU:

- Nêu được các bước sử dụng bản đồ: đọc tên bản đồ, xem bảng chú giải, tìm đối tượng lịch sử hay địa lí trên bản đồ.
- Biết đọc bản đồ ở mức đơn giản: nhận biết vị trí, đặc điểm của đối tượng trên bản đồ; dựa vào kí hiệu màu sắc phân biệt độ cao, nhận biết núi, cao nguyên, đồng bằng, vùng biển.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- Sách giáo khoa - Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.- Bản đồ hành chính Việt Nam.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> Làm quen với bản đồ</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bản đồ là gì?</li><li>- Kể một số yếu tố của bản đồ?</li><li>- Bản đồ thể hiện những đối tượng nào?</li><li>- Giáo viên nhận xét ghi điểm.</li></ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b><i>Giới thiệu bài:</i></b> Làm quen với bản đồ (tt)</p> <p><b><i>Hoạt động 1:</i></b> Hoạt động cá nhân</p> <p><b>Bước 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức của bài trước, trả lời các câu hỏi sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Tên bản đồ có ý nghĩa gì?</li><li>+ Dựa vào bảng chú giải ở hình 3 (bài 2) để đọc các kí hiệu của một số đối tượng địa lí</li><li>+ Chỉ đường biên giới của Việt Nam với các nước xung quanh trên hình 3 (bài 2) và giải thích vì sao lại biết đó là đường biên giới quốc gia</li></ul></li></ul> <p><b>Bước 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên yêu cầu HS nêu các bước sử dụng bản đồ</li></ul> <p>- Nhận xét, bổ sung, chốt ý</p> <p><b><i>Bài tập</i></b></p> <p><b><i>Hoạt động 2:</i></b> Thảo luận nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên yêu cầu học sinh làm theo nhóm bài tập a, b</li><li>- Mời đại diện nhóm trình bày trước kết</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh trả lời trước lớp</li><li>- Học sinh khác nhận xét</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS dựa vào kiến thức của bài trước trả lời các câu hỏi</li><li>- Đại diện một số HS trả lời các câu hỏi trên và chỉ đường biên giới của Việt Nam trên bản đồ treo tường</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- Các bước sử dụng bản đồ:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đọc tên bản đồ để biết bản đồ đó thể hiện nội dung gì.</li><li>+ Xem bảng chú giải để biết kí hiệu đối tượng địa lí cần tìm</li><li>+ Tìm đối tượng trên bản đồ dựa vào kí hiệu</li></ul></li></ul> <p>- Nhận xét, bổ sung.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh trong nhóm lần lượt làm các bài tập a, b,</li><li>- Đại diện nhóm trình bày trước lớp kết</li></ul>

<p>quả làm việc của nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên hoàn thiện câu trả lời của các nhóm.</li> </ul> <p><u>Hoạt động 3</u>: Làm việc cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên treo bản đồ hành chính Việt Nam lên bảng và mời học sinh đọc tên và chỉ các hướng.</li> <li>- Khi HS lên chỉ bản đồ, GV chú ý hướng dẫn HS cách chỉ. <b>Ví dụ</b>: chỉ một khu vực thì phải khoanh kín theo ranh giới của khu vực; chỉ một địa điểm (thành phố) thì phải chỉ vào kí hiệu chứ không chỉ vào chữ ghi bên cạnh; chỉ một dòng sông phải đi từ đầu nguồn xuống cuối nguồn.</li> </ul> <p><b>3) Cũng cố</b> - dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa.</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Nước Văn Lang</i></li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	<p>quả làm việc của nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh các nhóm khác sửa chữa, bổ sung cho đầy đủ &amp; chính xác.</li> <li>- Học sinh thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Một HS đọc tên bản đồ &amp; chỉ các hướng Bắc, Nam, Đông, Tây trên bản đồ</li> <li>+ Một HS lên chỉ vị trí của thành phố mình đang sống trên bản đồ.</li> <li>+ Một HS lên chỉ tỉnh (thành phố) giáp với tỉnh (thành phố) của mình trên bản đồ theo các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc.</li> </ul> </li> <li>- Học sinh trả lời.</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
---	---

### TIẾT 3:

### TẬP ĐỌC

### ĐẾ MÈN BÊNH VỰC KẺ YẾU (tiếp theo)

#### I. MỤC TIÊU:

- Đọc đúng các từ: sừng sững, lưng còng, ra oai, co rúm, vòng vây, ...
- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài ở phần Chú giải.
- Hiểu nội dung: Ca ngợi Đế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp, ghét áp bức, bắt công, bênh vực chị Nhà Trò yếu đuối.
- Chọn được danh hiệu phù hợp với tính cách của Đế Mèn. (trả lời các câu hỏi trong Sách giáo khoa).
- Học sinh khá, giỏi chọn đúng danh hiệu hiệp sĩ và giải thích được lý do vì sao lựa chọn (câu hỏi 4).

\* **KNS**: Thể hiện sự cảm thông.

Xác định giá trị.

Tự nhận thức về bản thân.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC: - Tranh minh họa

- Bảng viết sẵn câu, đoạn văn cần hướng dẫn HS luyện đọc

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời 1 học sinh đọc thuộc lòng bài Mẹ ốm trả lời câu hỏi về nội dung bài thơ.</li> <li>- Yêu cầu 1 học sinh đọc bài Đế Mèn bênh vực kẻ yếu (phần 1), nêu ý nghĩa truyện.</li> <li>- GV nhận xét và chấm điểm</li> </ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>2.1) Giới thiệu bài:</b> Đế Mèn bênh vực kẻ yếu (tt)</p> <p><b>2.2) Hướng dẫn luyện đọc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giúp HS chia đoạn bài tập đọc:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi về nội dung.</li> <li>- Học sinh đọc bài và nêu ý nghĩa câu chuyện</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>

<p>+ Bài văn chia thành mấy đoạn?  - Yêu cầu học sinh nối tiếp nhau đọc thành tiếng các đoạn trong bài (2 – 3 lượt)  Lượt đọc thứ 1: GV chú ý các từ ngữ dễ phát âm sai: lũng củng, nặc nô, co rúm lại, béo múp béo míp.... ; nhắc nhở các em nghỉ hơi đúng sau các cụm từ, đọc đúng giọng các câu sau:  + Ai đứng chóp bu bọn này?  + Thật đáng xấu hổ!  + Có phá hết vòng vây đi không?</p> <p>Lượt đọc thứ 2: GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc</p> <p>- Cho học sinh đọc các từ ở phần Chú giải: sừng sững, cuống cuống, quang hần.  - Yêu cầu hs luân phiên nhau đọc từng đoạn nhóm đôi  - Đọc mẫu toàn bài văn  - Mời học sinh đọc cả bài  * GV nghe và nhận xét và sửa lỗi luyện đọc cho hs.</p> <p><b>2.3) Hướng dẫn tìm hiểu bài</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi:  + Trận địa mai phục của bọn nhện đáng sợ như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét và chốt ý: Để bắt được một kẻ nhỏ bé &amp; yếu đuối như Nhà Trò thì sự bố trí như thế là rất kiên cố và cẩn mật.  - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 2:  + Dế Mèn đã làm cách nào để bọn nhện phải sợ?</p> <p>- GV nhận xét và chốt ý (GV lưu ý HS nhấn mạnh các từ xưng hô: ai, bọn này, ta)</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 3:  Dế Mèn đã làm cách nào để bọn nhện nhận ra lẽ phải?</p> <p>+ Bọn nhện sau đó đã hành động như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét và chốt ý</p>	<p>- Học sinh trả lời: 3 đoạn</p> <p>- Học sinh nối tiếp nhau đọc từng đoạn.</p> <p>HS nêu:  + Đoạn 1: 4 dòng đầu (Trận địa mai phục của bọn nhện)  + Đoạn 2: 6 dòng tiếp theo (Dế Mèn ra oai với bọn nhện)  + Đoạn 3: Phần còn lại (Kết cục của câu chuyện)  + Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài tập đọc.  HS nhận xét cách đọc của bạn  + HS đọc thầm phần chú giải</p> <p>- Học sinh đọc theo nhóm đôi  - Học sinh nghe  - 1, 2 HS đọc lại toàn bài</p> <p>- Học sinh đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi:  + Bọn nhện chằng tơ kín ngang đường, bố trí nhện gộc canh gác, tất cả nhà nhện núp kín trong các hang đá với dáng vẻ hung dữ.  - Cả lớp theo dõi  - HS đọc thầm đoạn 2  + Đầu tiên Dế Mèn chủ động hỏi, lời lẽ rất oai, giọng thách thức của một kẻ mạnh. Thấy nhện cái xuất hiện, vẻ đanh đá, nặc nô - Dế Mèn ra oai bằng hành động tỏ rõ sức mạnh “quay phắt lưng, phóng cẳng đập phanh phách”  - Cả lớp theo dõi  - HS đọc thầm đoạn 3 và trả lời:  Dế Mèn vừa phân tích vừa đe dọa bọn nhện  + Chúng sợ hãi, cùng dạ ran, cuống cuống chạy dọc, chạy ngang, phá hết các dây tơ chằng lối.</p>
--	--



## 2.4) Hướng dẫn dẫn đọc diễn cảm

- Hướng dẫn HS đọc 1 đoạn văn (Từ trong hốc đá..... phá hết các vòng vây đi không?)

- Mời học sinh đọc tiếp nối nhau từng đoạn trong bài

- GV hướng dẫn, điều chỉnh cách đọc cho các em sau mỗi đoạn (GV có thể hỏi cả lớp bạn đọc như thế có đúng chưa, cần đọc đoạn văn đó, lời những nhân vật đó với giọng như thế nào?)

- Yêu cầu học sinh luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp. Chú ý nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm: sừng sững, lũng củng, hung dữ, cong chân, đánh đá, nặc nô, quay phắt, phóng càn, co rúm, thét, dạ ran, cuống cuống, quang hần.

- Mời đại diện nhóm thi đọc diễn cảm

- Nhận xét, bình chọn

\* GDKNS: Thể hiện sự cảm thông

- Xác định giá trị

- Thể hiện sự cảm thông

- Xác định giá trị

### 3) Củng cố - dặn dò:

Yêu cầu HS đọc câu hỏi 4 và hoạt động nhóm đôi để trao đổi, thảo luận

**GV kết luận:** Các danh hiệu đều ghi nhận những phẩm chất đáng ca ngợi những mỗi danh hiệu đều có nét nghĩa riêng nhưng thích hợp nhất để đặt cho Dế Mèn chính là danh hiệu hiệp sĩ, bởi vì Dế Mèn đã hành động mạnh mẽ, kiên quyết và hào hiệp để chống lại áp bức, bất công; che chở, bênh vực, giúp đỡ người yếu.

- Yêu cầu học sinh về nhà tiếp tục luyện đọc lại bài văn,

- Chuẩn bị bài: *Truyện cổ nước mình*.

- GV N.xét tinh thần, thái độ học tập của HS trong giờ học.

- Cả lớp theo dõi

Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài

HS nhận xét, điều chỉnh lại cách đọc cho phù hợp. Thảo luận thầy – trò để tìm ra cách đọc phù hợp

- Học sinh luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp

Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm (đoạn, bài, phân vai) trước lớp

- Nhận xét bình chọn

- Học sinh thực hiện theo hướng dẫn: Dế Mèn là danh hiệu hiệp sĩ.

- Cả lớp theo dõi

- Cả lớp theo dõi rút kinh nghiệm

**TIẾT 4:****TOÁN  
CÁC SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ****I. MỤC TIÊU:**

- Biết mối quan hệ giữa đơn vị các hàng liền kề
- Biết viết, đọc các số có đến 6 chữ số
- \*BT cần làm: 1, 2, 3, 4ab

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Hình b/diễn đvị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn, trăm nghìn (SGK).
- Các thẻ ghi số có thể gắn được trên bảng.
- Bảng các hàng của số có 6 chữ số:

HÀNG					
Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị

**I. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:****HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN****1) KTBC:**

- GV: Gọi 2HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.
- GV: Sửa bài, xét & cho điểm HS.

**2) Day-học bài mới:**

**\*Ghiệu:** Giờ toán hôm nay các em sẽ được làm quen với các số có 6 chữ số.

**\*Ôn tập về các hàng đvị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn:**

- Y/c: HS qsát hvẽ SGK/8 & nêu mqhệ giữa các hàng liền kề: 1 chục bằng bn đvị? 1 trăm bằng mấy chục?...

- Y/c HS: Viết số 1 trăm nghìn.

- Số 100 000 có mấy chữ số, là những chữ số nào?

**\*Ghiệu số có 6 chữ số:**

- GV: Treo bảng các hàng của số có 6 chữ số.

a/ *Ghiệu số 432 516:*

- GV: Coi mỗi thẻ ghi số 100 000 là một trăm nghìn: Có mấy trăm nghìn? Có mấy chục nghìn? Có mấy nghìn? ... Có mấy đvị?

- Gọi HS lên viết số trăm nghìn, số chục nghìn, số nghìn, số trăm, số chục, số đvị vào bảng số.

b/ *Ghiệu cách viết số 432 516:*

- GV: Dựa vào cách viết các số có 5 chữ số, hãy viết số có 4 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 2 nghìn, 5 trăm, 1 chục, 6 đvị?

- GV: Xét & hỏi: Số 432 516 có mấy chữ số?

- Khi viết số này, cta bđầu viết từ đâu?

- Kh/định: Đó là cách viết các số có 6 chữ số.

Khi viết các số có 6 chữ số ta viết lần lượt từ

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH**

- 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.

- HS: Nhắc lại đề bài.

- HS: Qsát hình & TLCH: 1 chục bằng 10 đvị, 1 trăm bằng 10 chục, ...

- 1HS lên viết, cả lớp viết vào nháp.

- Có 6 chữ số, là chữ số 1 & 5 chữ số 0 đứng bên phải số 1.

- HS: Qsát bảng số.

- HS: Có 4 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 2 nghìn, 5 trăm, 1 chục, 6 đvị.

- HS lên viết số theo y/c.

- 2HS lên viết, cả lớp viết Bc: 432 516.

- Có 6 chữ số.

- Bđầu viết từ trái sang phải, từ hàng cao đến hàng thấp.

trái sang phải, hay viết từ hàng cao đến hàng thấp.

c/ *Ghiệu cách đọc số 431 516:*

- Ai có thể đọc được số 432 516?

- GV: Kh/định lại cách đọc & hỏi: Cách đọc số 432513 & số 32 516 có gì giống & khác nhau?

- GV: Viết: 12 357&312 357; 81 759&381 759; 32 876&632 876. Y/c HS đọc.

**\*Luyện tập-thực hành:**

**Bài 1:**

- GV: Gắn các thẻ số, y/c HS đọc, xét, sửa.

**Bài 2:** - GV: Y/c HS tự làm bài

- Gọi 2HS lên sửa: 1HS đọc số cho HS kia viết số.

- Hỏi: Cấu tạo thập phân của các số trong bài.

**Bài 3:** - GV: Viết số trg BT & gọi HS bkì đọc số.

**Bài 4:** - GV: Tổ chức thi viết cả toán: GV đọc từng số để HS viết số.

- GV: Sửa bài & y/c HS đổi chéo vở ktra nhau.

**3) Củng cố-dẫn dò:**

- Chuẩn bị bài: *Luyện tập.*

- GVnhận xét giờ học.

- 1-2HS đọc, lớp theo dõi.

- Đọc lại số 432 516.

- Khác nhau ở cách đọc phần nghìn: Số 432 516 có bốn trăm ba mươi hai nghìn, 32 516 chỉ có ba mươi hai nghìn, giống nhau khi đọc từ hàng trăm đến hết.

- HS lần lượt đọc từng cặp số.

- 1HS lên đọc, viết số, lớp viết VBT: 313 241; 523 453.

- HS: Tự làm VBT, sau đó đổi chéo ktra nhau (có thể làm vào SGK).

- HS lần lượt đọc số, mỗi HS đọc 3-4 số.

- 1HS lên bảng làm BT, cả lớp làm VBT. Y/c viết số theo đúng thứ tự GV đọc.

## **TIẾT 5:**

### **ĐỊA LÝ Dãy Hoàng Liên Sơn**

#### **I. MỤC TIÊU:**

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu của dãy Hoàng Liên Sơn:  
+ Dãy núi cao và đồ sộ nhất Việt Nam: có nhiều đỉnh nhọn, sườn núi rất dốc, thung lũng thường hẹp và sâu.

+ Khí hậu ở những nơi cao lạnh quanh năm.

- Chỉ được dãy Hoàng Liên Sơn trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.

- Sử dụng bảng số liệu để nêu đặc điểm khí hậu ở mức đơn giản: dựa vào bản số liệu cho sẵn để nhận xét về nhiệt độ của Sa Pa vào tháng 1 và tháng 7.

**\* Học sinh khá, giỏi:**

+ Chỉ và đọc tên những dãy núi chính ở Bắc Bộ: Sông Gâm, Ngân Sơn, Đông Triều.

+ Giải thích vì sao Sa Pa trở thành nơi du lịch, nghỉ mát nổi tiếng ở vùng núi phía Bắc.

**\*GD HS** về cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước Việt Nam.

#### **II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Sách giáo khoa - Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

- Tranh ảnh về dãy núi Hoàng Liên Sơn và đỉnh núi Phan-xi-păng.

#### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ</b>            Làm quen với bản đồ (tiếp theo)            - Nêu các bước sử dụng bản đồ?            - Hãy tìm vị trí của thành phố em trên bản đồ Việt Nam?            - Giáo viên nhận xét, tuyên dương</p> <p><b>2) Dạy bài mới:</b>  <b><u>Giới thiệu bài:</u></b>  <u>Hoạt động 1:</u> Hoạt động cá nhân            - GV chỉ trên bản đồ Việt Nam vị trí của dãy Hoàng Liên Sơn.            + Dãy núi Hoàng Liên Sơn nằm ở phía nào của sông Hồng &amp; sông Đà?            + Dãy núi Hoàng Liên Sơn dài bao nhiêu km?            + Đỉnh núi, sườn và thung lũng ở dãy núi Hoàng Liên Sơn như thế nào?            + Tại sao đỉnh núi Phan-xi-păng được gọi là nóc nhà của Tổ quốc?            - Mời học sinh trình bày kết quả làm việc</p> <p>- Giáo viên sửa chữa &amp; giúp học sinh hoàn chỉnh phần trình bày.</p> <p><u>Hoạt động 2:</u> Thảo luận nhóm            - Yêu cầu học sinh dựa vào lược đồ hình 1, thảo luận theo nhóm đọc tên các đỉnh núi &amp; cho biết độ cao của chúng.            - Quan sát hình 2 (hoặc tranh ảnh về đỉnh núi Phan-xi-păng), mô tả đỉnh núi Phan-xi-păng            - Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận            - GV giúp HS hoàn chỉnh phần trình bày.</p> <p><u>Hoạt động 3:</u> Làm việc cả lớp            - GV yêu cầu HS đọc thầm mục 2 trong SGK &amp; cho biết khí hậu ở vùng núi cao Hoàng Liên Sơn như thế nào?            - Giáo viên gọi 1 học sinh lên chỉ vị trí của Sa Pa trên bản đồ.            - Yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi ở mục 2.            - Giáo viên sửa chữa và giúp học sinh hoàn thiện câu trả lời.</p> <p><b><u>GV tổng kết:</u></b> Sa Pa có khí hậu mát mẻ quanh năm, phong cảnh đẹp nên đã trở thành một nơi</p>	<p>- Học sinh trả lời</p> <p>- Nhận xét, bổ sung</p> <p>- Cả lớp theo dõi</p> <p>- HS dựa vào kí hiệu để tìm vị trí của dãy núi Hoàng Liên Sơn ở lược đồ hình 1.</p> <p>- HS dựa vào kênh hình &amp; kênh chữ ở trong SGK để trả lời các câu hỏi.</p> <p>- HS trình bày kết quả làm việc trước lớp.            HS chỉ trên bản đồ Việt Nam vị trí dãy núi Hoàng Liên Sơn &amp; mô tả dãy núi Hoàng Liên Sơn (vị trí, chiều dài, độ cao, đỉnh, sườn &amp; thung lũng của dãy núi Hoàng Liên Sơn)            - Học sinh nhận xét, bổ sung</p> <p>- HS làm việc trong nhóm theo các gợi ý</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.            - Các nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS: Khí hậu lạnh quanh năm</p> <p>- Học sinh lên chỉ vị trí của Sa Pa trên bản đồ Việt Nam.            - Học sinh trả lời các câu hỏi ở mục 2</p> <p>- Học sinh khác nhận xét, bổ sung            - Cả lớp theo dõi</p>

<p>du lịch, nghỉ mát lí tưởng của vùng núi phía Bắc.</p> <p>*GD HS về cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước VN.</p> <p><b>3) Củng cố - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên yêu cầu HS trình bày lại những đặc điểm tiêu biểu về vị trí, địa hình và khí hậu của dãy Hoàng Liên Sơn.</li> <li>- Giáo viên cho HS xem một số tranh ảnh về dãy núi Hoàng Liên Sơn &amp; giới thiệu thêm về dãy núi Hoàng Liên Sơn: Tên của dãy núi được lấy theo tên của cây thuốc quý mọc phổ biến ở vùng này là Hoàng Liên. Đây là dãy núi cao nhất Việt Nam &amp; Đông Dương.</li> <li>- Chuẩn bị bài: Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn</li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày lại những đặc điểm tiêu biểu về vị trí, địa hình &amp; khí hậu của dãy núi Hoàng Liên Sơn.</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
---	---

\*\*\*\*\*

**TIẾT 1:**

**TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

Viết và đọc được các số có đến 6 chữ số

\* BT cần làm: 1, 2, 3abc, 4ab

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HOC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) Bài cũ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT luyện tập thêm ở tiết trước, đồng thời kiểm tra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2) Day-hoc bài mới:</b></p> <p><i>*Giới thiệu:</i> Giờ toán hôm nay em sẽ luyện tập về đọc, viết, thứ tự các số có 6 chữ số.</p> <p><i>*Hướng dẫn luyện tập:</i></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Treo Bp nd BT &amp; y/c 1HS lên làm bài, cả lớp làm SGK.</li> <li>- GV: K/hợp hỏi miệng HS, y/c đọc &amp; ph/tích số.</li> </ul> <p><b>Bài 2:</b> Phần a)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c 2HS cạnh nhau lần lượt đọc các số trg bài cho nhau nghe, sau đó gọi 4HS đọc trước lớp.</li> <li>- HS làm tiếp phần b).</li> <li>- GV: Hỏi thêm về các chữ số ở các hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS đọc: Sáu trăm năm mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi bảy..</li> <li>- HS: Th/h đọc các số: 2 453, 65 243, 462 543, 53 620.</li> <li>- 4HS lần lượt trả lời (M) gtrị của chữ số 5 trong các số.</li> </ul>

<p>khác. Vd: Chữ số hàng đvị của số 65 243 là chữ số nào?...</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS tự viết số vào VBT.</li> <li>- GV: Sửa bài &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>Bài 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS tự điền số vào các dãy số, sau đó cho HS đọc từng dãy số trc lớp.</li> <li>- GV: Cho HS xét về các đặc điểm của các dãy số</li> </ul> <p><b>3) <u>Củng cố-dẫn dò:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Hàng và lớp.</i></li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT, sau đó đổi chéo vở ktra kqua.</li> <li>- HS làm bài &amp; xét (Vd: a/ <i>Dãy các số tròn trăm nghìn. b/... c/... d/...e/...</i>)</li> </ul>
---	--

## TIẾT 2:

# CHÍNH TẢ MƯỜI NĂM CỘNG BẠN ĐI HỌC

### I. MỤC TIÊU:

- Nghe – viết đúng chính tả và trình bày đúng bài chính tả sạch sẽ, đúng quy định.
- Làm đúng các BT2 và BT(3)a/b, hoặc bài tập chính tả phương ngữ do GV soạn.
- Trình bày bài cẩn thận, sạch sẽ, viết đẹp.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

Sách giáo khoa. Phiếu khổ to viết sẵn nội dung bài tập 2, để phân giấy trắng ở dưới để học sinh làm tiếp bài tập 3.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đọc cho HS viết lại vào bảng con những từ đã viết sai tiết trước (an/ ang)</li> <li>- Nhận xét phần kiểm tra bài cũ.</li> </ul> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>2.1) Giới thiệu bài:</b> Mười năm cộng bạn đi học.</p> <p><b>2.2) Hướng dẫn học sinh nghe, viết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đọc đoạn văn cần viết chính tả 1 lượt</li> <li>- GV yêu cầu HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết &amp; cho biết những từ ngữ cần phải chú ý khi viết bài</li> </ul> <p>- Giáo viên viết bảng những từ HS dễ viết sai và hướng dẫn học sinh phân tích, nhận xét</p> <p>- GV yêu cầu HS viết những từ ngữ dễ viết sai vào bảng con</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con: ngan, dàn, ngang /giang, man / mang.</li> <li>- Cả lớp theo dõi trong SGK</li> <li>- HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết</li> <li>HS nêu những hiện tượng mình dễ viết sai: những tên riêng cần viết hoa Vinh Quang, Chiêm Hoá, Tuyên Quang, Đoàn Trường Sinh, Hanh; những từ ngữ dễ viết sai khúc khuỷu, gập ghềnh, liệt</li> <li>- Học sinh phân tích, nhận xét</li> <li>- HS luyện viết bảng con: Vinh Quang, Chiêm Hoá, Tuyên Quang, Đoàn Trường Sinh, Hanh, khúc khuỷu gập</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên đọc từng câu, từng cụm từ 2 lượt cho HS viết</li> <li>- GV đọc toàn bài chính tả 1 lượt</li> <li>- GV chấm bài 1 số HS và yêu cầu từng cặp HS đổi vở soát lỗi cho nhau</li> <li>- GV chấm một số bài và nhận xét chung</li> </ul> <p><b>2.3) Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả</b></p> <p><b>Bài tập 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 2</li> <li>- Yêu cầu HS tự làm vào vở bài tập</li> <li>- GV dán các tờ phiếu đã viết sẵn nội dung truyện vui lên bảng, mời HS lên bảng thi làm đúng, nhanh (GV lưu ý: gạch tiếng sai, viết tiếng đúng lên trên).</li> <li>- GV nhận xét kết quả bài làm của HS, chốt lại lời giải đúng, kết luận bạn thắng cuộc.</li> </ul> <p><b>Bài tập (3)a:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời HS đọc yêu cầu của BT3a</li> <li>- Yêu cầu học sinh giải câu đố</li> </ul> <p>Giáo viên và học sinh chốt lại lời giải đúng</p> <p style="padding-left: 40px;">Dòng 1: chữ sáo</p> <p style="padding-left: 40px;">Dòng 2: chữ sao.</p> <p><b>3) Cùng cố - dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh nhắc lại nội dung học tập</li> <li>- Nhắc nhở học sinh viết lại các từ sai (nếu có)</li> <li>- Về nhà tìm 10 từ ngữ chỉ sự vật có tiếng bắt đầu bằng s/x.</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Nghe – viết Châu nghe câu chuyện của bà; phân biệt tr / ch, dấu hỏi / dấu ngã</i></li> <li>- Nhận xét tiết học.</li> </ul>	<p>ghênh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả lớp nghe và viết vào vở</li> <li>- HS theo dõi và soát lại bài</li> <li>- HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.</li> <li>- Học sinh theo dõi</li> <li>- HS đọc yêu cầu của bài tập</li> <li>- Học sinh tự làm vào vở</li> <li>- Vài HS lên bảng làm vào tờ phiếu đã in sẵn nội dung truyện</li> </ul> <p>Từng em đọc lại truyện sau khi đã điền từ hoàn chỉnh, sau đó nói về tính khôi hài của truyện vui</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả lớp nhận xét kết quả làm bài, sửa bài theo lời giải đúng</li> </ul> <p>Lời giải đúng:</p> <p>+ Lát sau – răng – Phải chăng – xin bà – bần khoản – không sao ! – để xem</p> <p>+ Về tính khôi hài của truyện: Ông khách ngồi ở đầu hàng ghế tưởng rằng người đàn bà đã giẫm phải chân ông hỏi thăm ông để xin lỗi. Hoá ra bà ta chỉ hỏi để biết mình có trở lại đúng hàng ghế mình đã ngồi lúc này không mà thôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc yêu cầu bài tập</li> <li>- Cả lớp thi giải nhanh, viết đúng chính tả lời giải đó vào vở nháp</li> <li>- Nhận xét, chốt lại lời giải</li> <li>- Học sinh thực hiện</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
--	--

# MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN HẬU – ĐOÀN KẾT

## I. MỤC TIÊU:

Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) chủ điểm Thương người như thể thương thân (BT1, BT4); nắm được cách dùng một số từ có tiếng “nhân” theo 2 nghĩa khác nhau: người, lòng thương người. (BT2, BT3). Mở rộng và hệ thống hoá vốn từ ngữ theo chủ điểm Thương người như thể thương thân. Nắm được cách dùng các từ ngữ đó.

\* Học sinh khá, giỏi nêu được ý nghĩa các câu tục ngữ ở BT4.

## II. DỒ DÙNG DẠY – HỌC:

Sách giáo khoa, bút dạ và 4 tờ phiếu khổ to kẻ sẵn các cột của BT1; ke bảng phân loại để học sinh làm BT2

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> Luyện tập cấu tạo của tiếng</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu HS viết vào vở những tiếng có chỉ người trong gia đình mà phân vân: + Có 1 âm (ba, mẹ) + Có 2 âm (bác, ông)</li><li>- Giáo viên nhận xét và chấm điểm</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- 2 học sinh viết bảng lớp, cả lớp viết vào vở</li><li>- Nhận xét, bổ sung</li></ul>
<p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>2.1/ Giới thiệu bài:</b></p> <p>Mở rộng vốn từ: Nhân hậu – Đoàn kết</p> <p><b>2.2/ Hướng dẫn HS làm bài tập</b></p>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cả lớp theo dõi</li></ul>
<p><b>Bài tập 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Mời HS đọc yêu cầu của bài tập</li><li>- Hướng dẫn học sinh làm mẫu 1 phần</li><li>- Yêu cầu học sinh trao đổi theo nhóm đôi làm bài tập</li><li>- Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả.</li><li>- GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng: <i>Từ ngữ thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại: lòng nhân ái, lòng vị tha, tình thân ái, tình thương mến, yêu quý, xót thương, đau xót, tha thứ, độ lượng, bao dung, thông cảm, đồng cảm</i> <i>Từ ngữ trái nghĩa với nhân hậu hoặc yêu thương: hung ác, nanh ác, tàn ác, tàn bạo, cay độc, ác nghiệt, hung dữ, dữ tợn, dữ dằn .....</i></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS đọc yêu cầu của bài tập</li><li>- Học sinh làm mẫu 1 phần</li><li>- Từng cặp HS trao đổi, làm bài vào vở</li><li>- Đại diện nhóm HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả</li><li>- Cả lớp nhận xét kết quả làm bài</li><li>1 HS đọc lại bảng kết quả có số lượng từ tìm được đúng &amp; nhiều nhất.</li><li>- Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng</li><li>Từ ngữ thể hiện tinh thần đùm bọc, giúp đỡ đồng loại: cứu giúp, cứu trợ, ủng hộ, hỗ trợ, bênh vực, bảo vệ, che chở, che chắn, che đỡ, nâng đỡ .....</li><li>Từ ngữ trái nghĩa với đùm bọc hoặc giúp đỡ: ăn hiếp, hà hiếp, bắt nạt, hành hạ, đánh đập .....</li></ul>
<p><b>Bài tập 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Mời HS đọc yêu cầu của bài tập</li><li>- Giáo viên phát phiếu khổ to riêng cho 4 cặp học sinh</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS đọc yêu cầu của bài tập</li><li>- Học sinh trao đổi theo cặp, sau đó làm bài vào vở</li></ul>



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh làm trên phiếu trình bày kết quả</li> <li>- Giáo viên nhận xét, chốt lại lời giải đúng</li> </ul> <p><b>Bài tập 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh đọc yêu cầu bài tập</li> <li>- GV giúp HS hiểu yêu cầu của bài: Mỗi em đặt 1 câu với 1 từ thuộc nhóm a (nhân có nghĩa là người) hoặc 1 từ ở nhóm b (nhân có nghĩa là lòng thương người)</li> <li>- GV phát giấy khổ to và bút dạ cho các nhóm HS làm bài</li> <li>- Mời đại diện các nhóm dán kết quả</li> <li>- Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kết quả đúng</li> </ul> <p><b>Bài tập 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên lập nhóm trọng tài, nhận xét nhanh, chốt lại lời giải:</li> </ul> <p>a.Ở hiền gặp lành: khuyên người ta sống hiền lành, nhân hậu vì sống hiền lành nhân hậu sẽ gặp điều tốt đẹp, may mắn.</p> <p>b.Trâu buộc ghét trâu ăn: chê người có tính xấu, ghen tị khi thấy người khác được hạnh phúc, may mắn.</p> <p>c.Một cây làm chẳng ..... hòn núi cao: khuyên người ta sống phải đoàn kết với nhau, đoàn kết tạo nên sức mạnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhận xét, chốt lại</li> </ul> <p>3/ Củng cố - dặn dò:</p> <p>Giáo viên yêu cầu học sinh nêu lại các từ đồng nghĩa (trái nghĩa) với nhân hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS học thuộc 3 câu tục ngữ.</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Dấu hai chấm</i></li> <li>- Nhận xét, tiết học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả bài làm trước lớp</li> <li>- Cả lớp nhận xét và sửa bài</li> <li>- Học sinh đọc yêu cầu bài tập</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- Mỗi HS trong nhóm tiếp nối nhau viết câu mình đặt lên phiếu.</li> <li>- Đại diện các nhóm dán kết quả bài làm lên bảng lớp, đọc kết quả</li> <li>- Cả lớp nhận xét, cùng giáo viên kết luận nhóm thắng cuộc (nhóm đặt đúng/nhiều câu)</li> <li>- Học sinh hình thành nhóm trọng tài</li> <li>- Từng nhóm trao đổi nhanh về 3 câu tục ngữ</li> <li>Tiếp nối nhau đọc nhanh nội dung khuyên bảo, chê bai trong từng câu</li> <li>- Học sinh thực hiện, nhận xét</li> <li>- Cả lớp theo dõi.</li> </ul>
--	---

**TIẾT 4:**

**KỂ CHUYỆN  
KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu câu thơ Nàng tiên Ốc, kể lại đủ ý bằng lời của mình.
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Con người cần yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tranh minh họa - Bảng viết 6 câu hỏi tìm hiểu truyện

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1) Kiểm tra bài cũ: Sự tích hồ Ba Bể	

<p>- Yêu cầu 2 học sinh tiếp nối nhau kể lại truyện.</p> <p>- GV nhận xét và chấm điểm</p> <p><b>2) Dạy bài mới:</b></p> <p><b>2.1/ Giới thiệu bài</b></p> <p>- Trong tiết học hôm nay, các em sẽ đọc một truyện cổ tích bằng thơ có tên gọi Nàng tiên Ốc. Sau đó các em sẽ kể lại câu chuyện thơ đó bằng lời của mình, không lặp lại hoàn toàn lời thơ trong bài.</p> <p><b>2.2/ Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu chuyện:</b></p> <p>- Giáo viên đọc diễn cảm bài thơ</p> <p>- GV nêu câu hỏi: (đã viết vào bảng phụ)</p> <p>Đoạn 1:</p> <p>+ Bà lão nghèo làm nghề gì để sinh sống?</p> <p>+ Bà lão làm gì khi bắt được Ốc?</p> <p>Đoạn 2:</p> <p>+ Từ khi có Ốc, bà lão thấy trong nhà có gì lạ?</p> <p>Đoạn 3:</p> <p>+ Khi rình xem, bà lão đã nhìn thấy gì?</p> <p>+ Sau đó, bà lão đã làm gì?</p> <p>+ Câu chuyện kết thúc như thế nào?</p> <p>2.3/ Hướng dẫn HS kể chuyện, trao đổi ý nghĩa câu chuyện:</p> <p>a) <i>Hướng dẫn HS kể chuyện bằng lời của mình.</i></p> <p>GV hỏi: Thế nào là kể chuyện bằng lời của em?</p> <p>- GV yêu cầu 1 HS giỏi nhìn bảng đã ghi 6 câu hỏi &amp; kể mẫu đoạn 1.</p> <p>- Yêu cầu học sinh kể chuyện theo nhóm</p> <p>b) <i>Yêu cầu HS thi kể chuyện trước lớp</i></p> <p>- Tổ chức cho học sinh thi kể theo từng khổ thơ và kể toàn bộ câu chuyện</p> <p>- Yêu cầu HS trao đổi cùng bạn về nội dung, ý nghĩa câu chuyện</p>	<p>- Học sinh kể trước lớp</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung</p> <p>- Cả lớp theo dõi</p> <p>- Học sinh theo dõi</p> <p>- Học sinh trả lời</p> <p>Đoạn 1:</p> <p>+ Bà lão kiếm sống bằng nghề mò cua bắt ốc.</p> <p>+ Thấy Ốc đẹp, bà thương, không muốn bán, thả vào chum để nuôi.</p> <p>Đoạn 2:</p> <p>+ Đi làm về, bà thấy nhà cửa đã được quét sạch sẽ, đàn lợn đã được ăn no, cơm nước đã nấu sẵn, vườn rau được nhặt sạch cỏ.</p> <p>Đoạn 3:</p> <p>+ Bà thấy một nàng tiên từ trong chum nước bước ra.</p> <p>+ Bà bí mật đập vỡ vỏ ốc, rồi ôm lấy nàng tiên.</p> <p>+ Bà lão và nàng tiên sống hạnh phúc bên nhau. Họ thương yêu nhau như hai mẹ con.</p> <p>- Em đóng vai người kể, kể lại câu chuyện cho người khác nghe. Kể bằng lời của em là dựa vào nội dung truyện thơ, không đọc lại từng câu thơ.</p> <p>- 1 HS giỏi kể mẫu đoạn 1</p> <p>- Kể chuyện trong nhóm</p> <p>- HS thi kể kể theo từng khổ thơ. Mỗi HS kể lại toàn bộ câu chuyện</p> <p>- Học sinh trao đổi nội dung, ý nghĩa câu chuyện</p>
--	--

<p>- GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất</p> <p><b>3/ Củng cố - dặn dò:</b></p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu lại nội dung, ý nghĩa câu chuyện vừa học.</p> <p>- Yêu cầu về nhà kể lại truyện cho người thân, xem trước bài: Kể chuyện đã nghe, đã đọc</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học, khen ngợi những học sinh kể tốt và cả những học sinh chăm chú nghe bạn kể, nêu nhận xét chính xác.</p>	<p>- Học sinh nhận xét, bình chọn</p> <p>- Câu chuyện nói về tình thương yêu lẫn nhau giữa bà lão &amp; nàng tiên Ốc. Bà lão thương Ốc, Ốc biến thành một nàng tiên giúp đỡ bà. Câu chuyện giúp ta hiểu rằng: Con người phải thương yêu nhau. Ai sống nhân hậu, thương yêu mọi người sẽ có cuộc sống hạnh phúc.</p> <p>- Cả lớp theo dõi</p>
---	--

**TIẾT 5:**

**LỊCH SỬ**  
**LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ (tiếp theo)**  
**ĐÃ SOẠN VÀO NGÀY THỨ 2**

## **TIẾT 1:**

# **TẬP ĐỌC TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH**

### **I. MỤC TIÊU:**

- Đọc đúng các từ: truyện cổ, độ trì, răng dứa, nghiêng soi, giầu, ...
- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng tự hào, tình cảm.
- Hiểu nội dung: Ca ngợi truyện cổ của nước ta vừa nhân hậu, thông minh, vừa chứa đựng kinh nghiệm sống quý báu của cha ông. (trả lời được các câu hỏi trong sách giáo khoa; học thuộc lòng 10 dòng thơ đầu hoặc 12 dòng thơ cuối).

### **II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tranh minh học bài đọc trong SGK. Bảng viết đoạn thơ cần hướng dẫn đọc diễn cảm.

### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
<p><b>1) Kiểm tra bài cũ:</b> Đế Mèn bênh vực kẻ yếu (tiếp theo) Giáo viên yêu cầu 2 – 3 học sinh nối tiếp nhau đọc bài. Giáo viên hỏi: Em nhớ nhất những hình ảnh nào về Đế Mèn? Vì sao? Giáo viên nhận xét và chấm điểm</p> <p><b>2) Dạy bài mới:</b> <b>2.1) Giới thiệu bài:</b> Truyện cổ nước mình Với bài thơ Truyện cổ nước mình, các em sẽ hiểu vì sao tác giả rất yêu những truyện cổ được lưu truyền từ bao đời nay của đất nước, của cha ông.</p> <p><b>2.2) Hướng dẫn luyện đọc:</b> - Bài thơ chia thành mấy đoạn?</p> <p>- Yêu cầu 5 học sinh nối tiếp nhau đọc 5 khổ thơ trước lớp (2 – 3 lượt). Lượt đọc thứ 1: GV chú ý nhắc nhở HS cách phát âm, ngắt nghỉ hơi, giọng đọc phải phù hợp. Bài thơ cần đọc với giọng chậm rãi, ngắt nhịp đúng với nội dung từng dòng thơ. Kết hợp cho HS luyện đọc các từ khó: sâu xa, nhân hậu, độ lượng, đa mang. Lượt đọc thứ 2: GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc. GV giải thích thêm các từ ngữ sau: + Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa: (bắt</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS nối tiếp nhau đọc bài</li><li>- Học sinh nêu ý riêng của mình</li><li>- Học sinh nhận xét</li><li>- Cả lớp theo dõi</li><li>- Học sinh : 5 đoạn + Đoạn 1: Từ đầu ... phật tiên độ trì + Đoạn 2: Tiếp theo ...răng dứa nghiêng soi + Đoạn 3: Tiếp theo ...ông cha của mình + Đoạn 4:Tiếp theo ...chẳng ra việc gì + Đoạn 5: Phần còn lại</li><li>- 5 em đọc nối tiếp nhau 5 khổ thơ</li><li>+ Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài tập đọc + HS nhận xét cách đọc của bạn.</li><li>+ HS đọc thầm phần chú giải</li><li>- Học sinh đọc nối tiếp</li></ul>

nguồn từ câu tục ngữ: Mỡ gà (màu vàng) thì gió, mỡ chó (màu trắng) thì mưa) đã trải qua biết bao thời gian, bao nhiêu nắng mưa

+ Nhận mặt : truyện giúp ta nhận ra bản sắc dân tộc, những truyền thống tốt đẹp của ông cha như công bằng, nhân hậu, thông minh...

- Yêu cầu học sinh đọc theo nhóm đôi

- Cả lớp đọc đồng thanh bài thơ

- GV đọc diễn cảm cả bài

### **2.3) Hướng dẫn tìm hiểu bài :**

- Yêu cầu HS đọc thầm bài thơ và trả lời:

+ Vì sao tác giả yêu truyện cổ nước nhà?

+ Bài thơ gợi cho em nhớ đến những truyện cổ nào? Nêu ý nghĩa của những truyện đó?

Tìm thêm những truyện cổ khác thể hiện sự nhân hậu của người Việt Nam ta?

Em hiểu ý hai dòng thơ cuối bài như thế nào?

### **2.4) Hướng dẫn đọc diễn cảm**

a) Hướng dẫn HS đọc từng đoạn thơ

GV mời HS đọc tiếp nối nhau từng đoạn trong bài

GV hướng dẫn, điều chỉnh cách đọc cho các em. GV khen ngợi những em đọc thể hiện đúng nội dung bài, giọng tự hào, trầm lắng, biết nhấn giọng những từ ngữ gợi tả, gợi cảm.

b) Hướng dẫn kĩ cách đọc 1 đoạn thơ và học thuộc lòng

GV cho HS đọc diễn cảm (Tôi yêu truyện cổ nước tôi ..... có rặng dừa nghiêng soi)

- Giáo viên cùng trao đổi, thảo luận với học sinh cách đọc diễn cảm (ngắt, nghỉ, nhấn giọng)

Yêu cầu HS đọc diễn cảm theo cặp

- Học sinh đọc theo nhóm đôi

- Cả lớp đọc đồng thanh

- Cả lớp theo dõi

- Học sinh đọc và trả lời:

+ Vì truyện cổ nước mình rất nhân hậu, ý nghĩa rất sâu xa.

Vì truyện cổ giúp ta nhận ra những phẩm chất quý báu của cha ông.

Vì truyện cổ truyền cho đời sau nhiều lời răn dạy quý báu của ông cha ta.

+ Tấm Cám (Truyện thể hiện sự công bằng); Đẽo cày giữa đường (khuyên người ta phải có chủ kiến của riêng mình không nên thấy ai nói gì cũng cho là phải thì sẽ chẳng làm nên công chuyện gì)

- Học sinh nêu trước lớp

- Ý hai dòng thơ cuối bài: truyện cổ chính là những lời răn dạy của cha ông đối với đời sau. Qua những câu chuyện cổ, ông cha dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ...

- Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài thơ

- HS nhận xét, điều chỉnh lại cách đọc cho phù hợp.

- Học sinh theo dõi

- Thảo luận thầy – trò để tìm ra cách đọc phù hợp

- HS luyện đọc diễn cảm theo cặp

- Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm (đoạn, bài) trước lớp

- Nhận xét, góp ý, bình chọn

Mời đại diện nhóm thi đọc trước lớp Nhận xét, góp ý, bình chọn <b>3) Cũng cố - dặn dò:</b> Nêu lại nội dung, ý nghĩa của bài thơ - Chuẩn bị: <i>Thư thăm bạn</i> - Giáo viên nhận xét tiết học, biểu dương HS học tốt.	- Học sinh nêu nội dung, ý nghĩa. - Cả lớp theo dõi.
---	---

**TIẾT 2:**

**TOÁN**  
**HÀNG VÀ LỚP**

**I. MỤC TIÊU:**

- Biết được các hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn
- Biết giá trị của chữ số theo vị trí của từng chữ số đó trong mỗi số
- Biết viết số thành tổng theo hàng
- \* BT cần làm 1, 2, 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV vẽ sẵn bảng ở phần vdụ (để trống số ở các cột).
- Bảng kẻ sẵn các lớp, hàng của số có 6 chữ số như phần bài học SGK:

SỐ	LỚP NGHÌN			LỚP ĐƠN VỊ		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị

**I. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) Bài cũ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> Giờ toán hôm nay các em sẽ được làm quen với các hàng &amp; lớp của các số có 6 chữ số.</p> <p><b>*Ghiệu lớp đvị, lớp nghìn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Y/c: Nêu tên các hàng đã học theo th/tự nhỏ-&gt; lớn</li> <li>- Ghiệu: Các hàng này được xếp vào các lớp. Lớp đvị gồm 3 hàng là hàng đvị, hàng chục, hàng trăm. Lớp nghìn gồm 3 hàng là hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn. (k/hợp chỉ bảng đã bị).</li> <li>- Hỏi: Lớp đvị gồm mấy hàng, là những hàng nào? Lớp nghìn gồm mấy hàng, là những hàng nào?</li> <li>- Viết số 321 vào cột &amp; y/c HS đọc.</li> <li>- Gọi 1HS lên bảng &amp; y/c viết các chữ số của số 321 vào các cột ghi hàng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- HS nêu: Hàng đvị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.</li> <li>- Lớp đvị gồm 3 hàng: hàng đvị, hàng chục, hàng trăm. Lớp nghìn gồm 3 hàng: hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.</li> </ul>

- Làm tg tự với các số: 654 000, 654 321.

- Hỏi: + Nêu các chữ số ở các hàng của số 321.

+ Nêu các chữ số ở các hàng của số 654 000.

+ Nêu các chữ số ở các hàng của số 654 321.

**\*Luyện tập-thực hành:**

**Bài 1:** - Y/c HS nêu nd của các cột trg bảng số.

- Y/c: + Đọc số ở dòng thứ nhất.

+ Hãy viết số *năm mươi tư nghìn ba trăm mười hai*.

+ Nêu các chữ số ở các hàng của số 54 312.

+ Viết các chữ số của số 54 312 vào cột th/hợp.

+ Số 54 312 có những chữ số nào thuộc lớp nghìn?

+ Các chữ số còn lại thuộc lớp gì?

- Y/c HS làm BT. GV: Hướng sửa, xét, cho điểm.

- Hỏi thêm về các lớp của các số.

**Bài 2a:** Gọi 1HS lên bảng đọc cho HS viết các số trg BT.

- Hỏi: + Trg số 46 307, chữ số 3 ở hàng, lớp nào?

+ Trg số 56 032, chữ số 3 ở hàng nào, lớp nào? ...

**Bài 2b:** - GV: Y/c HS đọc bảng th/kê trg BT & hỏi: Dòng thứ nhất cho biết gì? Dòng thứ 2 cho biết gì?

- Viết 38 753 & y/c HS đọc số.

- Hỏi: + Trg số 38 753, chữ số 7 thuộc hàng, lớp nào

+ Vậy gtrị của chữ số 7 trg số 38 753 là bn?

- Vì chữ số 7 thuộc hàng trăm nên gtrị của chữ số 7 là 700.

- Y/c HS làm tiếp. GV: Xét & cho điểm HS.

**Bài 3:** GV: Viết 52 314 & hỏi:

+ 52 314 gồm mấy trăm nghìn, mấy chục nghìn, mấy nghìn, mấy trăm, mấy chục, mấy đvị?

+ Hãy viết số 52 314 thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đvị.

- GV: Xét cách viết & y/c HS cả lớp làm tiếp.

- GV: Xét & cho điểm.

**Bài 4:** - GV: Lần lượt đọc từng số cho HS viết.

- HS: 1 ở hàng đvị, 2 ở hàng chục, 3 ở hàng trăm...

- HS: TLCH.

- *Năm mươi tư nghìn ba trăm mười hai.*

- 54 312.

- HS: Nêu theo y/c.

- 1HS lên bảng viết, cả lớp theo dõi, xét

- 5 ở hàng chục nghìn, 4 ở hàng nghìn.

- Lớp đvị.

- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.

- Số: 46 307, 56 032, 123 517, 305 804, 960 783.

- HS: TLCH.

- HS: Dòng 1: nêu các số, dòng 2: nêu gtrị của chữ số 7 trg từng số ở dòng trên.

- *Ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi ba.*

- HS: 700.

- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.

- Gồm 5 chục nghìn, 2 nghìn, 3 trăm, 1 chục, 4 đvị.

- 1HS lên viết, cả lớp viết vào VBT.

$52\ 314 = 50\ 000 + 2\ 000 + 300 + 10 + 4$

- 1HS lên bảng làm bài, cả lớp làm VBT.

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</li> <li><b>Bìa 5:</b> - GV: Viết số 823 573 &amp; y/c HS đọc số.</li> <li>- Hỏi: Lớp nghìn của số 823 573 gồm ~ chữ số nào?</li> <li>- Nxét &amp; y/c HS làm tiếp.GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</li> <li><b>3) <u>Củng cố - dẫn dò:</u></b></li> <li>- chuẩn bài: <i>So sánh các số có nhiều chữ số.</i></li> <li>- GV nhận xét giờ học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</li> <li>- HS: Đồi chéo vở ktra nhau.</li> <li>- Đọc: <i>Tám trăm hai mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi ba.</i></li> <li>- Gồm các chữ số: 8, 2, 3</li> <li>- HS làm VBT, 1HS đọc bài, cả lớp theo dõi, xét.</li> </ul>
---	--

### **TIẾT 3:**

## **KĨ THUẬT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ CẮT, KHÂU THÊU(TT)**

### **I. MỤC TIÊU:**

- Hs biết 1 số dụng cụ khác dụng để cắt, khâu , thêu
- Biết cách và thực hiện các thao tác khâu chỉ vào kim và vê nút chỉ.
- Gd ý thức thực hiện lao động.

**II-ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**Sgk, 1 số vật liệu.

### **III-CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
<p>1-Kiểm tra bài cũ: -</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Kiểm tra sự chuẩn bị của hs</li> </ul> <p>2-<b>Bài mới</b> Giới thiệu bài-ghi mục bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn hs tìm hiểu bài</li> <li>* <b>Hoạt động 1:</b>Hướng dẫn hs quan sát H6 sgk-Kết hợp quan sát mẫu 1 số dụng cụ cắt, khâu,...nêu tác dụng của chúng.</li> <li>- Gv chốt lại ghi bảng.</li> <li>*<b>Hoạt động 2:</b> Hướng dẫn hs sử dụng kim.</li> <li>-Hướng dẫn quan sát H4 (sgk) kết hợp quan sát mẫu thêu- tả lời câu hỏi sgk.</li> <li>-Gv nhận xét- ghi bảng.</li> <li>-Hướng dẫn hs quan sát H5a,5b,5c(sgk) nêu cách khâu chỉ vào kim-gọi 2;3 em thực hiện-lớp quan sát-nhận xét.</li> <li>-Gv nhận xét chung</li> <li>-Gọi hs đọc sgk nêu cách vê nút chỉ.</li> <li>*<b>Hoạt động 3:</b> Yêu cầu hs thực hành vê nút chỉ-gv quan sát-hướng dẫn thêm.</li> <li>-Gv thu 1 số sản phẩm đánh giá nhận xét.</li> <li><b>3-<u>Củng cố -dẫn dò:</u></b></li> <li>-Gọi hs nhắc lại cách sử dụng kim ,kéo,...</li> <li>-Vn học bài-chẩn bị bài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs quan sát-trả lời-lớp nhận xét.</li> <li>+ Thước may:dụng để đo vải,vạch dấu trên vải.</li> <li>+ Khung thêu cầm tay:giữ cho mặt vải căng..</li> <li>- Kim được làm bằng kim loại cứng,có nhiều cỡ to, nhỏ khác nhau.Mũi kim nhọn, sắc...đuôi kim hơi dẹt,có lỗ để khâu chỉ.</li> <li>-Hs đọc-lên bảng thực hiện khâu kim-lớp quan sát- nhận xét.</li> <li>-Dùng ngón tay trái và ngón tay trở cầm vào sợi dây dài hơn...</li> <li>-Hs thực hành –trình bày sản phẩm-lớp nhận xét.</li> <li>-Hs trả lời- lớp nhận xét</li> <li>-Hs nghe</li> </ul>